

TRƯỜNG THCS MẠO KHÊ II
TỔ SINH - HÓA - ĐỊA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC
MÔN KHTN LỚP 7
(Năm học 2022-2023)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp:; **Số học sinh:**; **Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):**.....

2. Tình hình đội ngũ: **Số giáo viên:** 12; **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: 0; Đại học: 09; Trên đại học: 03

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp: Tốt: 9; Khá: 03; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

ST T	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Cổng quang điện, xe gắn tam chắn sáng, nguồn điện	04	Bài 7: Tốc độ của chuyển động	
2	Đồng hồ đo điện đa năng, dụng cụ khuếch đại âm thanh, microphone	04	Bài 10: Biên độ, tần số, độ to và độ cao của âm	
3	Đèn pin, gương phẳng, bảng chia độ	04	Bài 13: Sự phản xạ ánh sáng	
4	Giá treo, nam châm thẳng	04	Bài 14: Nam châm	
5	Kim nam châm, nam châm thẳng, giá đỡ nam châm, mặt sắt	04	Bài 15: Từ trường	
6	Phễu thủy tinh, cốc thủy tinh, ống nghiệm, đèn	04	Bài 19. Các yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp	
7	Bộ dụng cụ chứng minh quang hợp ở cây xanh (Băng dính đen, cốc thủy tinh, đèn cồn, kẹp, ống nghiệm, chuông thủy tinh, tấm kính...)	04	Bài 20. Thực hành về quang hợp ở cây xanh	
8	Bình thủy tinh, nắp đậy, que kim loại có giá đỡ nén, hai cây nến, bột lửa hoặc diêm.	04	Bài 21. Hô hấp tế bào	
9	Cốc thủy tinh, dao, kéo, phẩm màu, chậu cây, túi ni lông, cân thăng bằng, bình tam giác, quả cân, dầu ăn, nước cất	04	Bài 25. Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật	
10	Hộp giấy bằng bìa các tông, cốc trồng cây,...	04	Bài 27. Khái quát về cảm ứng và cảm ứng ở thực vật	
11	Cốc, thước đo, ca tưới nước	04	Bài 30. Sinh trưởng và phát triển ở thực vật	

12	Hình ảnh, video các giai đoạn sinh trưởng phát triển ở động vật	04	Bài 30. Sinh trưởng và phát triển ở động vật	
----	---	----	--	--

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng TH Vật lí	1	Bài 7: Tốc độ của chuyển động	
2	Phòng TH Vật lí	1	Bài 10: Biên độ, tần số, độ to và độ cao của âm	
3	Phòng TH Hóa - Sinh	1	Bài 19. Các yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp	
4	Phòng TH Hóa - Sinh	1	Bài 20. Thực hành về quang hợp ở cây xanh	
5	Phòng TH Hóa - Sinh	1	Bài 21. Hô hấp tế bào	
6	Phòng TH Hóa - Sinh	1	Bài 25. Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật	
7	Phòng TH Vật lí	1	Bài 13: Sự phản xạ ánh sáng	
8	Phòng TH Vật lí	1	Bài 14: Nam châm	
9	Phòng TH Vật lí	1	Bài 15: Từ trường	

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

STT	Tiết PPCT)	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
		HỌC KỲ I		
1	1,2,3,4,5	MỞ ĐẦU	5	Trình bày được một số phương pháp và kỹ năng trong học tập môn Khoa học tự nhiên - Thực hiện được các kỹ năng tiến trình: quan sát, phân loại, liên kết, đo, dự báo. - Sử dụng được một số dụng cụ đo (trong nội dung môn Khoa học tự nhiên 7). Làm được báo cáo, thuyết trình.
	PHẦN 1: CHẤT VÀ SỰ BIẾN ĐỔI CHẤT			
	Chủ đề 1: Nguyên tử. Nguyên tố hóa học			
	6,7,8,9	1. Nguyên tử	4	– Trình bày được mô hình nguyên tử của Rutherford – Bohr (mô hình sắp xếp electron trong các lớp vỏ nguyên tử). – Nêu được khối lượng của một nguyên tử theo đơn vị quốc tế amu (đơn vị khối

STT	Tiết PPCT)	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
				lượng nguyên tử).
	10, 11, 12, 13	2. Nguyên tố hóa học	4	– Phát biểu được khái niệm về nguyên tố hoá học và kí hiệu nguyên tố hoá học. Viết được công thức hoá học và đọc được tên của 20 nguyên tố đầu tiên.
Chủ đề 2: Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học				
2	14, 15, 16, 17, 18, 19, 20	3. Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	7	– Nêu được các nguyên tắc xây dựng bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học. – Mô tả được cấu tạo bảng tuần hoàn gồm: ô, nhóm, chu kì. - Sử dụng được bảng tuần hoàn để chỉ ra các nhóm nguyên tố/nguyên tố kim loại, các nhóm nguyên tố/nguyên tố phi kim, nhóm nguyên tố khí hiếm trong bảng tuần hoàn.
Chủ đề 3: Phân tử				
3	21 22 23	4. Phân tử, đơn chất, hợp chất	3	- Nêu được khái niệm phân tử, đơn chất, hợp chất. - Đưa ra được một số ví dụ về đơn chất và hợp chất. – Tính được khối lượng phân tử theo đơn vị amu.
	24 25 26 27 28	5. Giới thiệu về liên kết hoá học	5	– Nêu được mô hình sắp xếp electron trong vỏ nguyên tử của một số nguyên tố khí hiếm; sự hình thành liên kết cộng hoá trị theo nguyên tắc dùng chung electron để tạo ra lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng được cho các phân tử đơn giản như H ₂ , Cl ₂ , NH ₃ , H ₂ O, CO ₂ , N ₂ ,...).
	29 - 33	6. Hoá trị, công thức hoá học	5	– Nêu được được sự hình thành liên kết ion theo nguyên tắc cho và nhận electron để tạo ra ion có lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng cho phân tử đơn giản như NaCl, MgO,...). – Chỉ ra được sự khác nhau về một số tính chất của chất ion và chất cộng hoá trị.
				– Trình bày được khái niệm về hoá trị (cho chất cộng hoá trị). Cách viết công thức HH – Nêu được mối liên hệ giữa hoá trị của nguyên tố với công thức hoá học.

STT	Tiết PPCT)	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
				– Viết được công thức hoá học của một số chất và hợp chất đơn giản thông dụng. – Tính được phần trăm (%) nguyên tố trong hợp chất khi biết công thức hoá học của hợp chất. – Xác định được công thức hoá học của hợp chất dựa vào phần trăm (%) nguyên tố và khối lượng phân tử.
	34-	Ôn tập giữa kỳ I	1	
	35-36	Kiểm tra giữa kỳ I	2	
PHẦN 2. NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI				
Chủ đề 4: Tốc độ				
4	37 - 41	7. Tốc độ của chuyển động	5	- Nêu được ý nghĩa vật lí của tốc độ. Xác định được tốc độ qua quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian tương ứng. Tốc độ = quãng đường vật đi/thời gian đi quãng đường đó. - Liệt kê được một số đơn vị đo tốc độ thường dùng. - Mô tả được sơ lược cách đo tốc độ bằng đồng hồ bấm giây và cổng quang điện trong dụng cụ thực hành ở nhà trường, thiết bị bắn tốc độ trong kiểm tra tốc độ của các phương tiện giao thông
	42 - 47	8. Đồ thị quãng đường – thời gian	6	- Vẽ được đồ thị quãng đường – thời gian cho chuyển động thẳng. - Từ đồ thị quãng đường – thời gian cho trước, tìm được quãng đường vật đi (hoặc tốc độ, hay thời gian chuyển động của vật). - Dựa vào tranh ảnh (hoặc học liệu điện tử) thảo luận để nêu được ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.
Chủ đề 5: Âm thanh				
5	48 - 50	9. Sự truyền âm	3	- Thực hiện thí nghiệm tạo sóng âm (như gảy đàn, gõ vào thanh kim loại,...) để chứng tỏ được sóng âm có thể truyền được trong chất rắn, lỏng, khí. - Giải thích được sự truyền sóng âm trong không khí.

STT	Tiết PPCT)	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
	51 - 55	10. Biên độ, tần số, độ to, độ cao của âm	5	- Từ hình ảnh hoặc đồ thị xác định được biên độ và tần số sóng âm. - Nêu được đơn vị của tần số là hertz (kí hiệu là Hz). - Nêu được sự liên quan của độ to của âm với biên độ âm. - Sử dụng nhạc cụ (hoặc học liệu điện tử, dao động kí) chứng tỏ được độ cao của âm có liên hệ với tần số âm.
	56,57	11. Phản xạ âm	2	- Lấy được ví dụ về vật phản xạ âm tốt, vật phản xạ âm kém. - Giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế về sóng âm. - Đề xuất được phương án đơn giản để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng đến sức khỏe.
6	Chủ đề 6: Ánh sáng			
	58 - 61	12. Ánh sáng, tia sáng	4	- Thực hiện được thí nghiệm thu được năng lượng ánh sáng. Từ đó nêu được ánh sáng là một dạng của năng lượng. - Thực hiện được thí nghiệm tạo ra được mô hình tia sáng bằng một chùm sáng hẹp song song. - Vẽ được hình biểu diễn vùng tối do nguồn sáng rộng và vùng tối do nguồn sáng hẹp.
	62 - 66	13. Sự phản xạ ánh sáng (Bài học STEM)	5	- Phân biệt được phản xạ và phản xạ khuếch tán. - Vẽ được hình biểu diễn và nêu được các khái niệm: tia sáng tới, tia sáng phản xạ, pháp tuyến, góc tới, góc phản xạ, mặt phẳng tới, ảnh. - Thực hiện được thí nghiệm rút ra định luật và phát biểu được nội dung phản xạ ánh sáng. - Vận dụng được định luật phản xạ ánh sáng trong một số trường hợp đơn giản. - Nêu được tính chất của vật qua gương phẳng. - Dựng được ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng.
	67, 68	Ôn tập học kỳ I	2	

STT	Tiết PPCT)	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
	69, 70	Kiểm tra học kỳ I	2	
		Chủ đề 7: Tính chất từ của chất		
7	71 - 72	14. Nam châm	2	- Tiến hành thí nghiệm để nêu được: + Sự định hướng của thanh nam châm (kim nam châm). + Tác dụng của nam châm đến các vật liệu khác nhau; - Xác định được cực bắc và cực nam của một thanh nam châm.
	73 - 77	15. Từ trường	5	- Nêu được vùng không gian bao quanh một nam châm (hoặc dây dẫn mang dòng điện), mà vật liệu có tính chất từ đặt trong nó chịu tác dụng lực từ, được gọi là từ trường. - Nêu được khái niệm từ phổ và tạo được từ phổ bằng mạt sắt và nam châm. - Nêu được khái niệm đường sức từ và vẽ được đường sức từ quanh một thanh nam châm. - Chế tạo được nam châm điện đơn giản và làm thay đổi được từ trường của nó bằng thay đổi dòng điện.
	78,80	16. Từ trường Trái Đất	3	- Dựa vào ảnh (hoặc hình vẽ, đoạn phim khoa học) khẳng định được Trái Đất có từ trường. - Nêu được cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau. - Sử dụng la bàn để tìm được hướng địa lí.
		PHẦN 3. VẬT SỐNG		
		Chủ đề 8: Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở sinh vật		
8	81 - 83	17. Vai trò của trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở sinh vật	3	– Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. – Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể.

STT	Tiết PPCT)	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
	84 – 87	18. Quang hợp ở thực	4	– Mô tả được một cách tổng quát quá trình quang hợp ở tế bào lá cây: + Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp. + Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp. + Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ). - Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.
	88,89	19. Các yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp	2	– Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp – Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh.
	90,91	20. Thực hành về quang hợp ở cây xanh	2	– Tiến hành được thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh.
	92 - 96	21. Hô hấp tế bào	5	– Mô tả được một cách tổng quát quá trình hô hấp ở tế bào (ở thực vật và động vật): + Nêu được khái niệm; + Viết được phương trình hô hấp dạng chữ; + Thể hiện được hai chiều tổng hợp và phân giải chất hữu cơ ở tế bào. – Tiến hành được thí nghiệm về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt.
	97,98	22. Các yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp tế bào	2	– Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hô hấp tế bào. – Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô,...).
	99 - 102	23. Trao đổi khí ở sinh vật	4	– Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá. – Dựa vào hình vẽ mô tả được cấu tạo của khí khổng, nêu được chức năng của khí

STT	Tiết PPCT)	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
				không. – Dựa vào sơ đồ khái quát mô tả được con đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở động vật (ví dụ ở người)
	103	Ôn tập giữa kỳ II	1	
	104, 105	Kiểm tra giữa kỳ II	2	
	106, 107	24. Vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật	2	– Dựa vào sơ đồ (hoặc mô hình) nêu được thành phần hoá học và cấu trúc, tính chất của nước. – Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.
	108 - 111	25. Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật	4	– Mô tả được quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật + Dựa vào sơ đồ đơn giản mô tả được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và khoáng của cây từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân cây và lá cây; + Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ quan trong mạch rây (dòng đi xuống). + Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước; + Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật; – Tiến hành được thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước. – Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn (ví dụ giải thích việc tưới nước và bón phân hợp lí cho cây).

STT	Tiết PPCT)	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
	112 - 115	26. Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở động vật	4	+ Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật (lấy ví dụ ở người); – Mô tả được quá trình trao đổi chất dinh dưỡng ở động vật, lấy được ví dụ + Dựa vào sơ đồ khái quát (hoặc mô hình, tranh ảnh, học liệu điện tử) mô tả được con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở động vật (đại diện ở người); + Mô tả được quá trình vận chuyển các chất ở động vật (thông qua quan sát tranh, ảnh, mô hình, học liệu điện tử), lấy ví dụ cụ thể ở hai vòng tuần hoàn ở người. Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở động vật vào thực tiễn (ví dụ về dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống, ...).
9	Chủ đề 9: Cảm ứng ở sinh vật			
	116, 117	27. Khái quát về cảm ứng và cảm ứng ở thực vật	2	– Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật. Lấy được ví dụ về các hiện tượng cảm ứng ở sinh vật (ở thực vật và động vật). – Nêu được vai trò cảm ứng đối với sinh vật. – Trình bày được cách làm thí nghiệm chứng minh tính cảm ứng ở thực vật (ví dụ hướng sáng, hướng nước, hướng tiếp xúc). – Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ trong học tập, chăn nuôi, trồng trọt).
	118, 119	28. Tập tính ở động vật	2	– Phát biểu được khái niệm tập tính ở động vật; Lấy được ví dụ minh họa về tập tính ở động vật. – Nêu được vai trò của tập tính đối với động vật. – Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ trong học tập, chăn nuôi, trồng trọt). - Thực hành: quan sát, ghi chép và trình bày được kết quả quan sát một số tập tính

STT	Tiết PPCT)	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
				của động vật.
10	Chủ đề 10: Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật			
	120, 121	29. Khái quát về sinh trưởng, phát triển ở sinh vật	2	- Phát biểu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển. - Nêu được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật (nhân tố nhiệt độ, ánh sáng, nước, dinh dưỡng).
	122 - 124	30. Sinh trưởng và phát triển ở thực vật	3	- Tiến hành được thí nghiệm chứng minh cây có sự sinh trưởng. - Chỉ ra được mô phân sinh trên sơ đồ cắt ngang thân cây Hai lá mầm và trình bày được chức năng của mô phân sinh làm cây lớn lên. - Dựa vào hình vẽ vòng đời của một thực vật trình bày được các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của thực vật đó. - Thực hành quan sát và mô tả được sự sinh trưởng, phát triển ở một số thực vật. - Trình bày được một số ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong thực tiễn (ví dụ điều hoà sinh trưởng và phát triển ở sinh vật bằng sử dụng chất kích thích hoặc điều khiển yếu tố môi trường). - Vận dụng được những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển sinh vật giải thích một số hiện tượng thực tiễn
	125, 126	31. Sinh trưởng và phát triển ở động vật	2	- Dựa vào hình vẽ vòng đời của một động vật trình bày được các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của động vật đó. - Thực hành quan sát và mô tả được sự sinh trưởng, phát triển ở một số động vật. - Trình bày được một số ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong thực tiễn (ví dụ điều hoà sinh trưởng và phát triển ở sinh vật bằng sử dụng chất kích thích hoặc điều khiển yếu tố môi trường). - Vận dụng được những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển sinh vật giải thích một số hiện tượng thực tiễn (tiêu diệt muỗi ở giai đoạn ấu trùng, phòng trừ sâu bệnh, chăn nuôi).

STT	Tiết PPCT)	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
11	Chủ đề 11: Sinh sản ở sinh vật			
	127 - 129	32. Khái quát về sinh sản và sinh sản vô tính ở sinh vật	3	- Phát biểu được khái niệm sinh sản ở sinh vật. - Nêu được khái niệm sinh sản vô tính ở sinh vật. - Dựa vào hình ảnh hoặc mẫu vật, phân biệt được các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật. Lấy được ví dụ minh họa. - Dựa vào hình ảnh, phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. Lấy được ví dụ minh họa. - Nêu được vai trò của sinh sản vô tính trong thực tiễn. - Trình bày được các ứng dụng của sinh sản vô tính vào thực tiễn (nhân giống vô tính cây, nuôi cấy mô).
	130 - 132	33. Sinh sản hữu tính ở sinh vật (Bài học STEM) Làm bộ sưu tập mẫu khô về một số loại hoa đơn tính, lưỡng tính. Hoặc làm mô hình cấu tạo hoa đơn tính và lưỡng tính từ vật liệu tái chế	3	- Nêu được khái niệm sinh sản hữu tính ở sinh vật. Phân biệt được sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính. - Dựa vào sơ đồ mô tả được quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật: + Mô tả được các bộ phận của hoa lưỡng tính, phân biệt với hoa đơn tính. + Mô tả được thụ phấn; thụ tinh và lớn lên của quả. - Dựa vào sơ đồ (hoặc hình ảnh) mô tả được khái quát quá trình sinh sản hữu tính ở động vật (lấy ví dụ ở động vật đẻ con và đẻ trứng). - Nêu được vai trò của sinh sản hữu tính. Nêu được một số ứng dụng của sinh sản hữu tính trong thực tiễn. Vận dụng được những hiểu biết về sinh sản hữu tính trong thực tiễn đời sống và chăn nuôi (thụ phấn nhân tạo, điều khiển số con, giới tính).Giải thích được vì sao phải bảo vệ một số loài côn trùng thụ phấn cho cây.
	133, 134	34. Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản và điều khiển sinh sản ở sinh vật	2	- Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật và điều hoà, điều khiển sinh sản ở sinh vật.

STT	Tiết PPCT)	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
	135 - 136	Ôn tập học kỳ II	2	
	137, 138	Kiểm tra học kỳ II	2	
12	Chủ đề 12: Cơ thể sinh vật là một thể thống nhất			
	139, 140	35. Sự thống nhất về cấu trúc và các hoạt động sống trong cơ thể sinh vật	2	- Dựa vào sơ đồ mối quan hệ giữa tế bào với cơ thể và môi trường (tế bào – cơ thể – môi trường và sơ đồ quan hệ giữa các hoạt động sống: trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng – sinh trưởng, phát triển – cảm ứng – sinh sản) chứng minh cơ thể sinh vật là một thể thống nhất.
Tổng số tiết cả năm học			140	

2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kỳ 1	90 phút	Tuần 9	Vận dụng được kiến thức đã học của phần 1: Giới thiệu về KHTN và các phép đo. Phần 2: Chất và sự biến đổi của chất	Viết (Trắc nghiệm + Tự luận)
Cuối Học kỳ 1	90 phút	Tuần 18	Vận dụng được kiến thức đã học của phần 1: Giới thiệu về KHTN và các phép đo. Phần 2: Chất và sự biến đổi của chất. Phần 3. Vật sống	Viết (Trắc nghiệm + Tự luận)
Giữa Học kỳ 2	90 phút	Tuần 26	Vận dụng được kiến thức đã học của Phần 3. Vật sống nội dung kiến thức bài 19 đến bài 25	Viết (Trắc nghiệm + Tự luận)
Cuối Học kỳ 2	90 phút	Tuần 35	Vận dụng được kiến thức đã học của Phần 3. Vật sống nội dung kiến thức bài 19 đến bài 25. Phần 4: Năng lượng và sự biến đổi. Phần 5. Trái đất và bầu trời	Viết (Trắc nghiệm + Tự luận)

III. Các nội dung khác (nếu có):

.....

.....

.....